

Số: 196/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trong năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày ngày 30/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (có danh mục và nội dung cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Sơn La, về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La; thay thế các thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch công bố tại Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ly*

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC-VPCP (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh ;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, N (270b).



CHỦ TỊCH

Cầm Ngọc Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH SƠN LA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
A. CẤP TỈNH				
1	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư (DADT và BCKTKT) sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15
2	Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư (DADT và BCKTKT) sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19
3	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự án đầu tư (DADT và BCKTKT) sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42
4	Thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư	Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	51
5	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	59
6	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	70
7	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	80
8	Thủ tục Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
9	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	98
10	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	107
11	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	117
12	Thủ tục Điều chỉnh địa điểm trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	122
13	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	129
14	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	135
15	Chuyển nhượng dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	142
16	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	153
17	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	157
18	Thủ tục Giảm tiến độ đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	161
19	Thủ tục đăng ký Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	165

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
	đồng BCC		Đầu tư	
20	Thủ tục Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	168
21	Thủ tục cấp Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	169
22	Thủ tục Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư tại Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	172
23	Thủ tục trình duyệt và thẩm định kế hoạch đấu thầu	Kế hoạch đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư	178
24	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	183
25	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	230
26	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	235
27	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	244
28	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	254
29	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	259

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
30	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	270
31	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	284
32	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	305
33	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	309
34	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	317
35	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	333
36	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	342
37	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	361
38	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	378
39	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	393
40	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	404

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
41	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	408
42	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	420
43	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	429
44	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	441
45	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	447
46	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	457
47	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	460
48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	467
49	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	474

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
50	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	477
51	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	480
52	Bán doanh nghiệp tư nhân	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	483
53	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	486
54	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	496
55	Thành lập mới công ty được chia là công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	504
56	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	514
57	Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	532
58	Thành lập mới công ty được chia là công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	540
59	Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	550
60	Thành lập mới công ty được tách là công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	558

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
61	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	568
62	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	578
63	Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	586
64	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	595
65	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	598
66	Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	601
67	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	604
68	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	612
69	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	628
70	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	636
71	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	657

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
72	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	667
73	Giải thể doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	677
74	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	686
75	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	688
76	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	696
77	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	699
78	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	703
79	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	706
80	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	710
81	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	712
82	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	715

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
83	Giải thể công ty TNHH một thành viên	Đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	718
84	Thủ tục đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	720
85	Thủ tục Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	729
86	Thủ tục Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	734
87	Thủ tục Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	742
88	Thủ tục Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tác	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	751
89	Thủ tục Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	760
90	Thủ tục Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	769
91	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	778
92	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	781
93	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	783

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
94	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	785
95	Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	788
96	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	791
97	Thủ tục Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	798
98	Thủ tục Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	802
99	Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	805
100	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	808
101	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	814
102	Thủ tục Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp HTX	Sở Kế hoạch và Đầu tư	817
103	Thủ tục Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nông nghiệp Nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	820

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
B. CẤP HUYỆN				
104	Thủ tục Đăng ký hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	825
105	Thủ tục Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính)	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	834
106	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	838
107	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	847
108	Thủ tục Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên)	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	853
109	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	857
110	Thủ tục Giải thể tự nguyện hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	861
111	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	864
112	Thủ tục Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	868

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
113	Thủ tục Đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	871
114	Thủ tục Đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập	Hợp tác xã	Phòng TCKH huyện	879
115	Thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Hộ kinh doanh	Phòng TCKH huyện	884
116	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Hộ kinh doanh	Phòng TCKH huyện	887
117	Thủ tục Đăng ký Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Hộ kinh doanh	Phòng TCKH huyện	890
118	Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Hộ kinh doanh	Phòng TCKH huyện	893